

Xuất gia và vấn đề hiếu đạo, trách nhiệm với gia đình

ISSN: 2734-9195

10:05 05/09/2026

Chính vì vậy, thước đo sau cùng mà đạo Phật đặt ra không phải là “đang sống đời nào” mà là “đang sống đời ấy như thế nào”, có lương thiện, có trách nhiệm, có không ngừng hướng thượng trong chính vị trí của mình hay không.

Tác giả: **Cư sĩ Phúc Quang**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Dẫn nhập: Xuất gia là hành vi từ bỏ đời sống gia đình để bước vào con đường tu tập giải thoát. Trong tâm thức cộng đồng, hành vi này thường bị nhìn nhận như một sự “cắt đứt”, một hình thức bỏ rơi trách nhiệm đối với đấng sinh thành.

Trong thực tế tồn tại một cách hiểu cho rằng Phật giáo khuyến khích con người từ bỏ gia đình để đi tu, thậm chí xem việc rời bỏ cha mẹ, vợ con là biểu hiện của lý tưởng giải thoát. Quan niệm này phần lớn bắt nguồn từ việc đồng nhất sự kiện Thái tử Tất Đạt Đa xuất gia với giáo pháp phổ quát mà đức Phật truyền dạy sau khi thành đạo.

Khi hành trạng lịch sử của một cá nhân được xem như khuôn mẫu bắt buộc cho mọi người, người ta rất dễ đi đến kết luận rằng Phật giáo mâu thuẫn với đạo hiếu và trách nhiệm gia đình.

Bài viết này không nhằm bàn luận giá trị của đời sống xuất gia hay tại gia, mà tập trung làm rõ một vấn đề học thuật: cần phân biệt giữa hành trạng lịch sử của Thái tử trước khi thành đạo với giáo pháp được Ngài thiết lập sau khi giác ngộ.

Từ khóa: đạo hiếu, xuất gia, tại gia, Phật giáo, giác ngộ...



Ảnh: Bùi Hiến

Phần I. Xuất gia và hiếu đạo

1. Xuất gia

Xuất gia là con đường dành cho một số người, không phải mệnh lệnh cho tất cả.

Xuất gia trong giáo lý Nguyên thủy được trình bày như một trong hai con đường sống chính đáng để thực hành Chính pháp song song với con đường tại gia. Đức Phật đã thiết lập cho tăng đoàn của mình “tứ chúng đệ tử” (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di), trong đó hai chúng tại gia (nam, nữ cư sĩ) được xem là thành phần chính thức, bình đẳng về giá trị tu tập với hai chúng xuất gia, chứ không phải chờ đến lúc xuất gia mới thật sự tu hành. Theo như kinh điển ghi chép, nhiều đệ tử tại gia nổi tiếng của đức Phật như trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapindika), nữ cư sĩ Visākhā đã chứng đắc quả vị Dự lưu ngay trong đời sống gia đình, không cần xuất gia.

2. Hiếu đạo

2.1. Bốn phận con cái với cha mẹ

Trong bài kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt (Sigālovāda sutta), Trường bộ kinh, đức Phật dạy chàng thanh niên Thi Ca La Việt rằng người con có năm bốn phận đối với cha mẹ: (1) phụng dưỡng cha mẹ; (2) gánh vác, làm tròn các việc thay cha

mẹ; (3) giữ gìn gia phong, truyền thống gia đình; (4) bảo tồn tài sản thừa kế một cách xứng đáng; (5) và làm tang lễ chu đáo khi cha mẹ qua đời.

Điều đáng chú ý là trong cả năm bốn phận đức Phật dạy cho Thi Ca La Việt, không có bất kỳ bốn phận nào mang tính “từ bỏ”, không hề có lời khuyên nào theo hướng “hãy xuất gia”, “hãy cung hiến hết tài sản cho Tăng đoàn”, hay “hãy buông bỏ gia nghiệp để cầu đạo”. Và trong hệ thống giáo đạo ấy, Ngài dạy rằng người con phải biết cách bảo vệ tài sản, kế thừa một cách xứng đáng, Ngài không xem tài sản, gia nghiệp là điều xấu ác, gây chướng ngại cần phải loại bỏ bởi tài sản ấy không phải của riêng người con, mà là công sức, tâm huyết cả đời của cha mẹ để lại.

Sự lựa chọn “dạy cách bảo vệ” thay vì “dạy cách từ bỏ” phản ánh nguyên tắc nhất quán trong cách đức Phật giảng dạy cho hàng cư sĩ: Ngài luôn đáp ứng đúng vị trí, hoàn cảnh và nhu cầu thực tế của người nghe pháp. Thi Ca La Việt là một thanh niên tại gia, đang gánh trách nhiệm thừa kế và duy trì một gia đình, chứ không phải người đến hỏi đạo với chí nguyện xuất trần. Đối với người như vậy, lời khuyên hữu ích và chân thực nhất không phải là lý tưởng xa vời, vượt quá vị trí thực tế của họ, mà là những nguyên tắc đạo đức cụ thể, khả thi, giúp họ sống tốt ngay trong chính hoàn cảnh của mình.

Đức Phật phân biệt rạch ròi giữa con đường xuất gia (dành cho ai có đủ chí nguyện, nhân duyên) với đạo đức đời sống tại gia (trong đó tài sản, gia nghiệp được nhìn nhận là chính đáng và cần được trân trọng, gìn giữ).

2.2. “Ơn khó báo đáp”

Trong phẩm Tâm thăng bằng, thuộc Chương Hai Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh:

“Có hai hạng người, này các Tỳ kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỳ kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỳ kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỳ kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỳ kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này. Nhưng này các Tỳ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú, các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn,

an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỳ kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha”.



Ảnh: Bùi Hiền

Ở đây, Phật chỉ ra con đường duy nhất được Ngài xác nhận là đủ để báo đáp, thậm chí báo đáp vượt trội: đó là người con biết khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ: nếu cha mẹ chưa có lòng tin chân chính thì giúp cha mẹ có được lòng tin ấy; nếu cha mẹ chưa sống theo đạo đức thì giúp cha mẹ an trú trong giới hạnh; nếu cha mẹ còn keo kiệt thì giúp cha mẹ mở lòng bố thí; nếu cha mẹ còn thiếu trí tuệ thì giúp cha mẹ phát sinh trí tuệ.

Một lần nữa ta thấy rằng Phật không nói rằng cách báo đáp ân tình cha mẹ là phải xuất gia hay rời bỏ thế tục, mà cốt lõi quan trọng sự chuyển hóa của mình với cha mẹ đời sống tốt hơn, trí tuệ hơn.

2.3. Phụng dưỡng cha mẹ là phước lành

Trích bài kinh Điem Lành (Mangala Sutta) Tiểu Bộ Kinh:

Hiếu dưỡng mẹ và cha,

Nuôi nấng vợ và con.

Làm nghề không bôi rối,

Là làn ngọc tối thượng.

Trong toàn bộ bài kinh này, đức Phật xếp việc “hiếu dưỡng mẹ và cha, nuôi nấng vợ và con” vào một trong những điểm lành tối thượng của đời người.



Ảnh: Bùi Hiến

Hiếu đạo là giáo lý nhất quán và được nhấn mạnh nhiều lần trong lời dạy trực tiếp của đức Phật, không hề bị lu mờ hay mâu thuẫn với sự tồn tại của con đường xuất gia. Ngược lại, trong kinh điển Nikaya, Ngài khẳng định rằng yếu tố cấu thành một chân nhân là phải có đạo đức với cha mẹ, trách nhiệm với các đối tượng xung quanh mình chứ không phải là gạt bỏ đi.

Phần II. Thái tử Tất Đạt Đa rời bỏ gia đình cầu đạo nhưng không dạy đệ tử làm điều đó

1. Thái tử Tất Đạt Đa rời bỏ gia đình

Trong kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanā Sutta), Trung Bộ Kinh, đức Phật bằng lời tự thuật của mình với các Tỷ kheo đã kể lại giây phút Ngài rời bỏ gia đình: khi còn là một thanh niên tóc đen nhánh, đang tuổi thanh xuân, mặc dù cha mẹ không muốn, đau khổ, nước mắt đầm đìa, Ngài vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ đời sống gia đình để sống đời không nhà.

Tuy nhiên chúng ta cũng cần phân biệt rạch ròi hai phạm trù hoàn toàn khác nhau về bản chất: hành động cá nhân trong hoàn cảnh đặc thù (ở đây là Thái tử quyết định rời bỏ gia đình) và giáo pháp phổ quát dành cho muôn người (Ngài không dạy đệ tử cách từ bỏ gia đình như Ngài từng làm).

Trong chính kinh Thánh Cầu nói trên, đức Phật mô tả động cơ ra đi của mình bằng cách diễn đạt rất đặc biệt: Ngài tự thấy mình, dù chưa bị sinh, già, bệnh, chết, sầu bi, ô nhiễm chi phối trực tiếp trong hiện tại, nhưng lại đang mãi mê chạy theo những gì cũng mang bản chất bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết và Ngài tự hỏi tại sao mình không đi tìm cái không sinh, không già, không bệnh, không chết, sự an ổn tối thượng thoát khỏi mọi trói buộc, tức Niết-bàn. Đây là cuộc tìm kiếm mang tính khai phá, xảy ra trong bối cảnh chưa từng có một vị nào khác tại thế để chỉ bày con đường ấy. Nói cách khác, vào thời điểm trước và khi Thái tử rời bỏ gia đình, trên thế gian này chưa hề tồn tại giáo pháp giải thoát, chưa có ai để nương tựa, học hỏi.

2. Bối cảnh và tâm lý rời bỏ gia đình của Thái tử Tất Đạt Đa

Nếu đặt sự kiện Thái tử Tất Đạt Đa rời bỏ gia đình trong bối cảnh lịch sử và tâm lý xã hội, có thể thấy đây không phải là quyết định bộc phát hay phủ nhận các giá trị gia đình, mà là kết quả của một dòng tư duy sâu sắc về trạng thái cảm nhận sự sống và ý nghĩa đời sống con người.

Thứ nhất, xét trên phương diện thực tế, Thái tử gần như sở hữu tất cả những điều mà con người thường xem là hạnh phúc: địa vị, quyền lực, tài sản, gia đình và mọi điều kiện để hưởng thụ dục lạc. Tuy nhiên, chính trong hoàn cảnh đầy đủ ấy, Ngài vẫn không tìm thấy sự an ổn nội tâm nếu đời người chỉ có như vậy.

Thứ hai, sự trần trụi của Thái tử cũng chịu ảnh hưởng từ môi trường tư tưởng của Ấn Độ thời bấy giờ. Đây là nền văn hóa đặc biệt coi trọng các vấn đề triết học và nhân sinh, nơi nhiều học phái không ngừng đặt câu hỏi về bản chất của con người, linh hồn, vũ trụ, con đường giải thoát. Việc từ bỏ đời sống thế tục để trở thành một sa-môn du phương nhằm tìm kiếm chân lý không phải là hiện tượng hiếm gặp, mà đã trở thành khuynh hướng tư tưởng phổ biến trong xã hội đương thời. Vì vậy, quyết định xuất gia của Thái tử cũng diễn ra trong bối cảnh văn hóa ấy, chứ không phải là hành động tách biệt khỏi thời đại.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là vào thời điểm đó chưa có bất kỳ nền tảng lý luận hay con đường thực hành nào thực sự giải quyết triệt để khát vọng chấm dứt nỗi bất an trong lòng của Ngài. Các truyền thống đương thời chủ yếu hướng đến nghi lễ tế tự hoặc điều gì đó mơ hồ thiếu thực tế, không thực sự đem tới cảm giác giải thoát trong tâm.

Như vậy, xét trên cả phương diện tâm lý cá nhân lẫn bối cảnh lịch sử, việc Thái tử Tất Đạt Đa rời bỏ gia đình là hành trình đi tìm một lời giải mà toàn bộ nền triết học và tôn giáo đương thời vẫn chưa thể cung cấp, chưa có con đường giải thoát nào có sẵn, Ngài buộc phải tự mình dẫn thân tìm kiếm. Sau khi thành đạo, khi con đường ấy đã được khám phá và thiết lập thành giáo pháp, đức Phật không còn yêu cầu mọi người phải lặp lại hoàn cảnh đặc biệt của mình, mà tùy căn cơ mỗi người chỉ dạy những phương pháp thích hợp để sống thiện, hạnh phúc và tiến dần đến giải thoát. Ngài với trí tuệ thấy rõ căn cơ sai biệt của chúng sinh, đã không áp đặt một hình thức duy nhất (xuất gia) cho tất cả, mà giảng dạy cả hai con đường tại gia và xuất gia, tùy theo nhân duyên, hoàn cảnh, và mức độ sẵn sàng của từng cá nhân.

Vì Ngài hiểu rõ, nếu một người xuất gia trái với ý muốn của gia đình nhưng lại không đủ sức mạnh và trí tuệ để giáo hóa gia đình, sẽ đem đến nỗi đau khổ cho người ở lại, như vậy phiền muộn gia tăng mà không hề được giải quyết. Hoặc nếu một gia đình với kinh tế bình thường, người trách nhiệm làm chồng, làm cha rời bỏ đi mất, vậy đâu còn điều lương thiện trong đó khi vợ con thiếu thốn, mất điểm nương tựa.

Phần III. Luật Tạng và các quy định cụ thể về trách nhiệm gia đình của người xuất gia

Luật tạng (Vinaya Pitaka) chính là nơi thể hiện tính thực tiễn, cụ thể và ràng buộc của Phật giáo đối với vấn đề hiếu đạo.

1. Điều kiện phải được cha mẹ ưng thuận mới được xuất gia

Theo luật tạng, một trong những điều kiện tiên quyết để một người được thể phát xuất gia thọ giới là phải có sự đồng ý của cha mẹ (đối với người chưa lập gia đình) hoặc vợ/chồng (đối với người đã lập gia đình, theo một số bộ phái). Nếu chưa được cha mẹ cho phép mà tự ý xuất gia, vị bốn sư truyền giới có thể phạm lỗi và trong nhiều truyền thống, giới tử buộc phải quay về xin phép cha mẹ trước khi được chính thức thọ giới Tỳ kheo. Quy định này xuất phát từ chính một sự kiện lịch sử: khi vua Tịnh Phạn thỉnh cầu đức Phật, bày tỏ nỗi đau khổ của các bậc cha mẹ khi con cái tự ý bỏ nhà xuất gia mà không xin phép, đức Phật đã chế định giới luật, quy định Tăng đoàn không được truyền giới cho người chưa có sự ưng thuận của song thân.



Ảnh: Bùi Hiền

Đây là bằng chứng luật học hết sức thuyết phục khi ngay từ thời đức Phật còn tại thế, Ngài đã chủ động thiết lập cơ chế nguyên tắc mang tính chế định. Điều này phủ nhận hoàn toàn quan niệm cho rằng Phật giáo cổ súy việc xuất gia bất chấp ý nguyện gia đình.

2. Quy định về việc phụng dưỡng cha mẹ già yếu, nghèo khó

Luật tạng còn ghi nhận một quy định đặc biệt quan trọng là dù Tỳ kheo đã xuất gia, không được tự ý cất giữ tài sản, tiền bạc theo luật, nhưng vẫn được phép dùng những vật phẩm cúng dường nhận được (thức ăn, y phục, thuốc men) để cung cấp, hỗ trợ cho cha mẹ ruột khi cha mẹ lâm vào cảnh già yếu, bệnh tật, nghèo túng, không nơi nương tựa. Người xuất gia dù đã ra khỏi đời sống gia đình về mặt hình thức vẫn không được phép thờ ơ trước cảnh khốn khó của đấng sinh thành.

Phật giáo không xây dựng lý tưởng xuất gia trên nền tảng phủ nhận gia đình, mà xây dựng trên nguyên tắc “xuất ly nhưng không đoạn tuyệt trách nhiệm”. Luật tạng, với vai trò là bộ khung pháp lý đạo đức của Tăng đoàn, đã thể chế hóa các nghĩa vụ hiếu đạo thành quy định bắt buộc, chứ không để trong phạm vi cảm tính, tùy nghi. Đây chính là điểm khác biệt căn bản giúp phân định giữa “chính tín xuất gia” theo đúng tinh thần Phật pháp với hiện tượng lệch lạc, khi có cá nhân lợi dụng danh nghĩa tu hành để trốn tránh trách nhiệm gia đình, xã hội.

3. Không thể lấy hành trạng của Thái tử thay thế cho giáo pháp của đức Phật

Một trong những sai lầm phổ biến khi nghiên cứu Phật giáo là đồng nhất hành trạng lịch sử của Thái tử với giáo pháp mà Ngài truyền dạy sau khi thành Phật. Trên thực tế, không phải mọi việc đức Phật từng trải qua đều được Ngài xác lập thành chuẩn mực cho đệ tử.

Trong 6 năm tầm đạo, Thái tử Tất Đạt Đa từng theo học với 2 đạo sư nổi tiếng, thực hành những tầng thiền định cao nhất của thời đại, trải qua nhiều năm khổ hạnh cực đoan, nhịn ăn đến mức thân thể chỉ còn da bọc xương. Nhưng sau khi giác ngộ, chính đức Phật tuyên bố những phương pháp ấy không đưa đến giải thoát tối hậu và thiết lập Trung đạo như con đường đúng đắn. Điều đó cho thấy hành trình tìm đạo của Ngài là quá trình khảo nghiệm để khám phá chân lý, chứ không phải khuôn mẫu bắt buộc để mọi người lặp lại.

Tương tự như vậy, việc Thái tử rời bỏ gia đình cũng thuộc về hoàn cảnh lịch sử đặc biệt trước khi giáo pháp xuất hiện. Đây là lựa chọn của một người đang đi tìm con đường chưa từng tồn tại trên thế gian. Sau khi con đường ấy đã được khám phá, nhiệm vụ của đức Phật không còn là yêu cầu mọi người lặp lại cuộc tìm kiếm của mình, mà là truyền dạy con đường giải thoát đã được chứng nghiệm.

Bởi vậy, tiêu chuẩn để đánh giá một người đệ tử chân chính không phải là họ có sống giống hết cuộc đời của đức Phật hay không, mà là họ có thực hành đúng Chính pháp hay không. Giáo pháp mới là chuẩn mực phổ quát; còn hành trạng lịch sử cần được hiểu trong bối cảnh đặc biệt đã sản sinh ra giáo pháp ấy.

Vì sao đức Phật không dạy tất cả mọi người rời bỏ gia đình?

Sau khi thành đạo, đức Phật không hề chủ trương rằng tất cả mọi người đều phải xuất gia. Trái lại, toàn bộ hệ thống kinh điển Nikāya cho thấy Ngài thiết lập đồng thời hai con đường tu tập: đời sống xuất gia dành cho những người có đầy đủ chí nguyện, điều kiện ủng hộ và đời sống tại gia dành cho những người tiếp tục gánh vác trách nhiệm gia đình, xã hội.

Điều này không chỉ xuất phát từ nguyên tắc tùy căn cơ mà còn phản ánh góc nhìn rất thực tế về sự vận hành của xã hội. Gia đình là nền tảng của đời sống con người; cha mẹ cần được phụng dưỡng, con cái cần được nuôi dạy, xã hội cần người lao động sản xuất, quốc gia cần người thực hiện các nghĩa vụ công dân và bản thân Tăng đoàn cũng cần sự hộ trì của hàng cư sĩ. Nếu tất cả đều từ bỏ gia đình để xuất gia thì chính những điều kiện vật chất và xã hội bảo đảm cho sự tồn tại của Phật giáo cũng không còn.

Do đó, đức Phật không xây dựng một xã hội trong đó mọi người đều trở thành Tỳ kheo, mà xây dựng cộng đồng gồm bốn chúng đệ tử hỗ trợ lẫn nhau. Người xuất gia có trách nhiệm giữ gìn và truyền bá Chính pháp; người tại gia có trách nhiệm thực hành đạo đức, phụng dưỡng cha mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc, lao động chân chính và hộ trì Tam bảo. Hai con đường khác nhau nhưng cùng hướng đến sự chuyển hóa thân tâm và lợi ích cho xã hội.

Kết luận

Trong mọi thời đại, gia đình luôn là thiết chế đầu tiên hình thành nhân cách và đạo đức của con người. Một xã hội muốn phát triển bền vững cần dựa vào những nhóm nhỏ như gia đình, cần liên hệ tới cách ứng xử và hành vi của từng cá thể trong gia đình.

Khi tôn giáo khơi dậy và nuôi dưỡng những giá trị hiếu đạo ở mặt thiết thực về hành vi, tôn giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người mà còn trở thành nguồn lực đạo đức quan trọng, góp phần xây dựng con người sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Đây cũng là biểu hiện của tinh thần giáo dục rất đặc thù: đạo Phật không vận hành theo lối áp một chuẩn mực duy nhất lên tất cả mọi người, mà ý thức rất rõ

mỗi người đang đứng ở vị trí khác nhau trong dòng chảy nhân duyên, có người đang làm cha, làm mẹ, làm con, làm người gánh vác một gia đình, một dòng họ, một cộng đồng; có cá nhân làm kinh tế, có cá nhân tham gia sản xuất lao động,... và giá trị tu tập của họ nằm ngay trong việc làm tròn, làm tốt nhất vai trò ấy, chứ không phải trong việc rời bỏ để tìm một hình mẫu lý tưởng ở nơi khác. Không có sự phủ nhận đời sống nào bị xem là thấp kém hơn đời sống nào, cũng không có sự gượng ép ai phải rập khuôn theo con đường không thuộc về hoàn cảnh của họ.

Chính vì vậy, thước đo sau cùng mà đạo Phật đặt ra không phải là “đang sống đời nào” mà là “đang sống đời ấy như thế nào”, có lương thiện, có trách nhiệm, có không ngừng hướng thượng trong chính vị trí của mình hay không.

Một người cha chu toàn với gia đình, một người con hiếu thảo, một người tu sĩ tinh tấn với giới hạnh, nếu cùng giữ được sự chân thành và nỗ lực vươn lên trong bốn phận của mình, thì đều đang đi trên cùng một con đường đạo đức, chỉ khác nhau về hình thức biểu hiện.

Tác giả: **Cư sĩ Phúc Quang**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2026

Tài liệu tham khảo:

- 1] Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt (*Sigàlovàda sutta*), Trường Bộ kinh, Dịch giả: Hoà thượng Thích Minh Châu
- 2] Kinh Thánh cầu, Trung Bộ kinh, Dịch giả: Hoà thượng Thích Minh Châu
- 3] Kinh Tâm thắng bằng, Chương Hai Pháp, Tăng Chi Bộ Kinh, Dịch giả: Hoà thượng Thích Minh Châu
- 4] Kinh Điem Lành (*Mangala Sutta*), Tiểu Bộ Kinh, Dịch giả: Hoà thượng Thích Minh Châu
- 5] Luật Đại Phẩm (*Mahāvagga*), Luật tạng Pāli: Các điều khoản liên quan đến việc xuất gia của La-hầu-la và quy định về sự ưng thuận của cha mẹ.